

QUYẾT ĐỊNH
CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 51-HĐBT NGÀY 22-3-1984

***Về sắp xếp lại sản xuất, cải tạo và xây dựng một số ngành
công nghiệp thực phẩm.***

Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ V (khoá V) về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1984 và mức phấn đấu năm 1985, Nghị quyết của Bộ Chính trị số 14 ngày 13-9-1983 và Nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng số 127-HĐBT ngày 1-10-1983 về kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình và nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, Thường vụ Hội đồng bộ trưởng, sau khi nghe đồng chí Bộ trưởng Bộ Công nghiệp thực phẩm báo cáo các phương án về sắp xếp lại sản xuất, cải tạo và xây dựng một số ngành mía đường, dầu thực vật, thuốc lá, chè và rau, quả hộp, quyết định.

I. VỀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 1985 VÀ 1990

A. NGÀNH MÍA ĐƯỜNG

1. Mục tiêu phấn đấu đến năm 1985 phải đạt từ 40 đến 50 vạn tấn đường mật, trong đó có 10 vạn tấn đường kính; năm 1990 đạt 80 vạn đến một triệu tấn đường mật, trong đó có 20 vạn tấn đường kính.

Bộ công nghiệp thực phẩm cùng Bộ Nông nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các tỉnh xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển mạnh sản xuất mía đường ở miền Nam, mở rộng sản

xuất ở miền Bắc đến năm 1985, năm 1990. Cùng với việc xây dựng các vùng tập trung chuyên canh cung ứng nguyên liệu cho các nhà máy đường lớn, cần chú trọng phát triển rộng rãi sản xuất mía trên địa bàn huyện với quy mô diện tích từ 300 héc ta đến 500 héc ta để đáp ứng tại chỗ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Củng cố và phát triển sản xuất mía trong khu vực nông trường, đồng thời rất coi trọng phát triển sản xuất mía trong khu vực hợp tác xã để tạo nguồn cung ứng nguyên liệu chủ yếu cho các nhà máy chế biến đường. Việc mở rộng diện tích mía chủ yếu phải hướng vào đất đồi, bãi không được thu hẹp diện tích đất trồng lúa.

Trước mắt, cần quy hoạch cụ thể vùng sản xuất và thu mua mía cho các nhà máy đường hiện có và một số nhà máy lớn mới xây dựng sắp đưa vào sản xuất nhằm sử dụng hết công suất thiết bị.

2. Bộ Công nghiệp thực phẩm cùng Bộ Cơ khí và luyện kim và các tỉnh có lực lượng cơ khí mạnh tổ chức sự hiệp tác và phân công chế tạo các loại thiết bị chế biến với quy mô vừa và nhỏ để trang bị cho tỉnh, huyện và cơ sở.

Cần chế tạo ngay các loại thiết bị quy mô vừa và nhỏ trang bị cho huyện để sớm thay thế các lò đường thủ công của tư nhân, tránh lãng phí lớn về mía và không bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm.

Cơ sở chế biến quy mô từ 300 đến 500 tấn mía/ngày trở nên phải có dây chuyền thiết bị luyện đường kính để sử dụng hợp lý năng lực sản xuất, năng lượng và bốc vận chuyển đường thô đến các nhà máy lớn tinh luyện.

Gắn liền với sản xuất đường, các cơ sở sản xuất có quy mô từ 300 tấn mía/ ngày trở lên cần có thiết bị sử dụng tổng hợp các nguyên liệu phụ của mía để sản xuất cồn, rượu các loại, bột giấy hoặc giấy.

3. Việc xây dựng các nhà máy đường có công suất lớn từ 1000 tấn mía/ngày trở lên phải chú trọng tính toán đồng bộ các khâu quy hoạch vùng nguyên liệu, giao thông vận tải, thủy lợi, điện lực, đội ngũ cán bộ quản lý.

4. Về phân công, phân cấp quản lý sản xuất, xí nghiệp có quy mô 1000 tấn mía/ngày trở lên do Bộ Công nghiệp thực phẩm quản lý, xí nghiệp có quy mô dưới 1000 tấn mía/ngày trở xuống do tỉnh quản lý, và xí nghiệp có quy mô 100 tấn mía/ngày trở xuống do huyện quản lý.

Phải đặc biệt chú trọng liên kết việc sản xuất, thu mua nguyên liệu với chế biến ở cơ sở sản xuất. Bộ Công nghiệp thực phẩm cần phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các địa phương để tổ chức sản xuất, thu mua và quản lý, nghiên cứu chính sách cụ thể nhằm điều hoà hợp lý các quan hệ kinh tế trong việc liên kết sản xuất nông nghiệp với công nghiệp trong việc phân công, phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương, để trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

5. Các xí nghiệp sản xuất đường quốc doanh, công tư hợp doanh phải giao nộp đầy đủ sản phẩm cho Nhà nước. Đối với đường, mật sản xuất trong khu vực hợp tác xã, ngành thương nghiệp cần tổ chức thu mua (theo hợp đồng kinh tế hai chiều) và đưa về các nhà máy lớn luyện đường kính. Việc phân phối đường cho tiêu dùng trong nước do ngành nội thương đảm nhiệm. Việc xuất khẩu đường do các tổ chức được Hội đồng bộ trưởng phân công thực hiện, dưới sự hướng dẫn và quản lý của Bộ Ngoại thương.

6. Cần xây dựng kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu đường để tạo điều kiện tái sản xuất mở rộng, phát triển nhanh ngành mía đường và tự cung một phần vật tư kỹ thuật, nhiên liệu.

B. NGÀNH DẦU THỰC VẬT VÀ TINH DẦU

1. Mục tiêu phấn đấu đến năm 1985 phải đạt 3 vạn tấn dầu, trong đó dành cho xuất khẩu 1 vạn tấn. Đến năm 1990 đạt 6 vạn tấn dầu, trong đó dành cho xuất khẩu 3 vạn tấn.

2. Bộ Công nghiệp thực phẩm cùng Bộ Nông nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các tỉnh xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành dầu thực vật ở phía Nam, vùng Tây Nguyên, miền Trung và miền núi phía Bắc. Chú trọng quy hoạch các vùng sản xuất tập trung chuyên canh cho một số loại cây có giá trị kinh tế lớn như trâu, dừa, thầu dầu, cọ dầu, lạc, đỗ tương, điều...

3. Phát triển sản xuất các cây có dầu chủ yếu phải dựa vào khu vực kinh tế tập thể và gia đình nông dân; các nông trường quốc doanh sản xuất cây có dầu có nhiệm vụ chủ yếu tạo giống có năng suất, chất lượng cao và hướng dẫn kỹ thuật cho hợp tác xã và nhân dân trồng trọt, chăm sóc, thu hái.

4. Tại các vùng sản xuất nguyên liệu, cần xây dựng cơ sở sản xuất dầu thô hoặc com dừa, chế biến xơ dừa. Việc tinh luyện dừa do các cơ sở của trung ương phụ trách, để bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

5. Nghiên cứu sản xuất các loại tinh dầu phục vụ việc chế biến thực phẩm và sản xuất các mặt hàng mỹ phẩm (xà phòng thơm, nước hoa, sáp môi...) 6. Hợp tác với các nước đã trồng nhiều dừa, cọ dầu... có năng suất chất lượng cao nhằm học tập kinh nghiệm và kỹ thuật để ứng dụng vào sản xuất trong nước.

C. NGÀNH THUỐC LÁ

1. Mục tiêu phấn đấu đến năm 1985 đạt 1,4 tỷ bao thuốc lá, trong đó xuất khẩu 1 tỷ bao. Năm 1990 đạt từ 4 đến 5 tỷ bao, trong đó xuất khẩu từ 3 đến 4 tỷ bao và từ 1 đến 2 vạn tấn thuốc lá.

2. Bộ Công nghiệp thực phẩm cùng Bộ Nông nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các tỉnh xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển mạnh ngành thuốc lá. Bộ Công nghiệp thực phẩm quản lý thống nhất việc thu mua thuốc lá ở các vùng tập trung chuyên canh. Chú trọng hướng dẫn các hợp tác xã về kỹ thuật sấy thuốc lá. Nhà nước cần phấn đấu quản lý hoàn toàn khâu giống, bỏ loại giống lai tạp, chất lượng xấu, năng suất kém.

3. Cải tạo và mở rộng các nhà máy thuốc lá hiện có, xây dựng mới một số nhà máy thuốc lá có công suất lớn. Thực hiện Nhà nước thống nhất quản lý sản xuất và kinh doanh thuốc lá, cấm tư nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá chế biến. Ngoài những vùng do trung ương tổ chức sản xuất và chế biến theo quy hoạch kế hoạch, địa phương nào muốn tổ chức chế biến thuốc lá thì phải được Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng cho phép.

4. Nhập thiết bị để xây dựng nhà máy sản xuất giấy cuộn thuốc lá, giấy đầu lọc để chủ động trong việc sản xuất thuốc lá điếu. Trước mắt, nghiên cứu sản xuất giấy cuộn thuốc lá điếu tiêu thụ trong nước. Bộ Công nghiệp thực phẩm cùng Bộ Công nghiệp nhẹ nghiên cứu sản xuất giấy làm bao bì. Tiến tới tự giải quyết thiết bị sơ chế, phụ tùng thay thế và phụ liệu cho sản xuất thuốc lá.

5. Hợp tác với Bun-ga-ri, Cu-ba về kỹ thuật trồng và sơ chế thuốc lá. Hợp tác kinh tế - kỹ thuật với các nước khác để có thuốc lá chế biến phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng nước ngoài (về khẩu vị và bao bì...).

D. NGÀNH CHÈ

1. Mục tiêu phấn đấu đến năm 1985 đạt 3,5 vạn tấn chè khô, trong đó dành cho xuất khẩu 1,8 vạn tấn. Đến năm 1990 đạt 7 vạn tấn chè khô, trong đó dành cho xuất khẩu 4,5 vạn tấn.

2. Bộ Công nghiệp thực phẩm cùng Bộ Nông nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển rộng rãi, trồng chè ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, hướng chủ yếu phát triển sản xuất chè là khu vực hợp tác xã. Cần phấn đấu có sản lượng chè, bình quân đầu người 2 kg/năm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và tạo mặt hàng chủ lực xuất khẩu.

Hợp tác với Liên Xô để xây dựng các vùng tập trung, chuyên canh kết hợp với cơ sở chế biến hiện đại để có sản phẩm đạt chất lượng cao xuất khẩu.

3. Tổ chức chế tạo thiết bị chế biến chè với quy mô sản xuất vừa và nhỏ để trang bị cho các địa phương.

4. Vùng chè chuyên canh lớn phần nhiều tập trung ở miền núi và trung du; những nơi có điều kiện, cần phát triển mạnh thủy điện quy mô vừa nhỏ để giải quyết khó khăn về năng lượng (điện).

E. NGÀNH RAU QUẢ CHẾ BIẾN, ĐỒ HỘP VÀ ĐÔNG LẠNH

1. Mục tiêu phấn đấu đến năm 1985 phải đạt 40.000 tấn đồ hộp, đông lạnh và các loại rau quả chế biến khác; đến năm 1990 phải đạt 66.000 tấn.

Bộ Nông nghiệp, Bộ Công nghiệp thực phẩm, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Ngoại thương và các tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển mạnh các loại rau, quả thích hợp với đất đai, khí hậu từng vùng nhằm bảo đảm cung ứng nguyên liệu chế biến và xuất tươi theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

Để đạt mục tiêu trên, cần khẩn trương đầu tư cải tạo giống, thâm canh tăng năng suất cây ăn quả ở các nông trường quốc doanh, và mở rộng sản xuất theo quy hoạch định hình đối với từng nông trường. Đồng thời phát triển mạnh các loại rau quả trong khu vực kinh tế tập thể và vườn cây ăn quả của gia đình nông dân.

Trước mắt, cần khẩn trương tăng cường đầu tư thâm canh, mở rộng diện tích, cung cấp đủ nguyên liệu cho các nhà máy hiện có và đang xây dựng.

2. Có kế hoạch tích cực thực hiện chương trình hợp tác với Liên Xô về rau, quả nhằm nhanh chóng mở rộng 4 nhà máy chế biến rau quả, xây dựng xưởng cơ khí ngành rau quả hộp, xưởng tráng véc-ni, xưởng các-tông bao bì, 4 xưởng sấy rau quả và hai cụm công - nông